

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Đại học Huế ban hành kèm theo Quyết định số 862/QĐ-ĐHH ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Đại học Huế

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Nghị định 30/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Huế;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐĐH ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng Đại học Huế về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế; Nghị quyết số 50/NQ-HĐĐH ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế và Nghị quyết số 14/NQ-HĐĐH ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Hội đồng Đại học Huế về việc sửa đổi một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Huế;

Căn cứ Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 15/2024/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Khoa học, Công nghệ và Quan hệ quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Đại học Huế ban hành theo Quyết định số 862/QĐ-ĐHH ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Giám đốc Đại học Huế như sau:

1. Điều 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Văn bản này quy định về quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) được triển khai thực hiện ở Đại học Huế, bao gồm: phân cấp quản lý nhiệm vụ KH&CN, quản lý đề tài KH&CN cấp Đại học Huế, quản lý nhiệm vụ KH&CN khác, quản lý sản phẩm ứng dụng của các nhiệm vụ KH&CN, quản lý kinh phí nhiệm

vụ KH&CN cấp Đại học Huế, khen thưởng và kỷ luật trong thực hiện và quản lý nhiệm vụ KH&CN tại Đại học Huế”;

“2. Quy định này áp dụng đối với các trường đại học, viện nghiên cứu thành viên, các đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Huế; các cá nhân được tuyển chọn hoặc được giao làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN tại Đại học Huế”.

2. Khoản 1, khoản 3 Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia là nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc tổ chức quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia thực hiện theo quy định của Bộ KH&CN và các quy định pháp luật có liên quan”;

“3. Nhiệm vụ KH&CN cấp Đại học Huế gồm các đề tài KH&CN cấp Đại học Huế, dự án sản xuất thử nghiệm cấp Đại học Huế, dự án ươm tạo cấp Đại học Huế và nhiệm vụ đặt hàng (giao trực tiếp) do Giám đốc Đại học Huế phê duyệt, được tổ chức quản lý theo quy định do Đại học Huế ban hành. Nhiệm vụ KH&CN cấp Đại học Huế được công nhận tương đương nhiệm vụ KH&CN cấp bộ khi đáp ứng đầy đủ các tiêu chí của nhiệm vụ KH&CN cấp bộ tương ứng”.

3. Khoản 2, Điều 3 được sửa đổi bổ sung như sau:

“2. Các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc Đại học Huế là đơn vị chủ trì đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp Đại học Huế do viên chức, người lao động của đơn vị làm chủ nhiệm, trừ trường hợp khác do Giám đốc Đại học Huế quyết định. Đại học Huế là đơn vị chủ trì đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp Đại học Huế thực hiện tại các đơn vị thuộc. Các đơn vị thuộc được ký thừa ủy quyền là đơn vị chủ trì đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp đơn vị thuộc và là đơn vị thực hiện đối với các nhiệm vụ KH&CN cấp Đại học Huế”.

4. Khoản 2, Điều 6 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đơn vị thành viên, đơn vị thuộc được ký thừa ủy quyền, đơn vị trực thuộc Đại học Huế quản lý các nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở theo quy định do thủ trưởng đơn vị ban hành, báo cáo định kỳ hoặc khi có yêu cầu về Đại học Huế”.

5. Điểm b, khoản 3 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

Kinh phí (triệu đồng)	Sản phẩm khoa học	Sản phẩm đào tạo	Sản phẩm ứng dụng
201-300	01 bài báo đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Huế hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước được tính tối đa 1,0 điểm trong danh mục tính điểm của HĐGSNN hoặc 01 bài báo đăng trên Tạp chí khoa học thuộc danh mục Scopus hoặc WoS Core Collection	Hướng dẫn 01 Luận văn thạc sĩ hoặc 01 chuyên đề nghiên cứu sinh	Vật liệu, chế phẩm, cây giống, con giống; thiết bị máy móc; quy trình công nghệ; phần mềm máy tính; công cụ và thiết bị dạy học; mô hình hay đề án chính sách... được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ hoặc được chuyển giao thành công (có hợp đồng chuyển giao).

6. Điểm c, khoản 4 Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Chứng nhận đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đối với sản phẩm mẫu vật do cơ quan có thẩm quyền cấp; quy trình, phần mềm, mô hình được nghiệm thu bởi Hội đồng chuyên môn theo quy định tại Điều 14 của quy định này; đăng ký sở hữu trí tuệ ít nhất phải được đăng công báo; hợp đồng chuyển giao phải kèm theo minh chứng đã có đóng góp nguồn thu cho đơn vị hoặc Đại học Huế”.

7. Khoản 1, Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Chủ nhiệm đề tài phải là viên chức hoặc hợp đồng lao động của Đại học Huế, tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp hoặc lĩnh vực công tác liên quan, đã có ít nhất 01 công bố trên tạp chí khoa học trong hoặc ngoài nước thuộc hoặc gần lĩnh vực nghiên cứu của đề tài hoặc là chủ nhiệm đề tài cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu đạt yêu cầu”.

8. Khoản 3, Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Đại học Huế tổ chức xác định danh mục đề tài đối với các đơn vị. Hội đồng tư vấn xác định danh mục đề tài KH&CN cấp Đại học Huế do Giám đốc Đại học Huế quyết định thành lập, có 11 đến 15 thành viên do Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Đại học Huế (được Giám đốc ủy quyền) làm Chủ tịch, Trưởng hoặc Phó Trưởng Ban

KHCN&QHQT làm Thư ký, các thành viên còn lại là đại diện lãnh đạo các đơn vị (trừ đơn vị tự chủ tài chính nhóm 1 và 2) và có thể mời thêm các nhà khoa học (nếu cần). Hội đồng họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó phải có Chủ tịch, Thư ký. Các thành viên Hội đồng có mặt bỏ Phiếu xác định danh mục đề tài KH&CN cấp Đại học Huế (Mẫu I-2). Đề xuất được đưa vào danh mục để tuyển chọn chủ nhiệm khi có từ 2/3 số phiếu đánh giá của các thành viên Hội đồng có mặt bỏ phiếu “Đồng ý”. Kết quả đánh giá đề xuất đề tài được ghi vào biên bản họp Hội đồng xác định danh mục đề tài (Mẫu I-3)”.

9. Khoản 4, Điều 10 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Trên cơ sở kết quả xác định tại khoản 3, Giám đốc Đại học Huế ban hành danh mục đề tài KH&CN cấp Đại học Huế đưa ra tuyển chọn chủ nhiệm và kế hoạch tuyển chọn”.

10. Khoản 2, Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn bản điện tử (dạng file PDF) bao gồm:

a) Thuyết minh đề tài (Mẫu I-4), bản điện tử được xuất ra từ trang Quản lý đề tài khoa học của Đại học Huế; Giấy xác nhận tham gia thực hiện đề tài của các thành viên (Mẫu I-5b);

b) Lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề tài (Mẫu I-5a), bản điện tử được xuất ra từ trang Cơ sở dữ liệu KH&CN Đại học Huế;

c) Xác nhận của tổ chức, cá nhân phối hợp thực hiện đề tài, bản scan (nếu có)”.

11. Khoản 3, Điều 11 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Mỗi đề tài có hồ sơ đăng ký dự tuyển sẽ thành lập 01 Hội đồng tuyển chọn chủ nhiệm. Hội đồng tuyển chọn có 05 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký và 03 ủy viên. Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo của đơn vị chủ trì, Thư ký là đại diện bộ phận quản lý KH&CN của đơn vị chủ trì, các thành viên còn lại là các nhà khoa học trong và ngoài đơn vị có trình độ chuyên môn về lĩnh vực của đề tài. Chủ nhiệm và những thành viên tham gia đề tài không được tham gia Hội đồng”.

12. Điểm b, khoản 1 Điều 12 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“b) Thủ trưởng đơn vị tự chủ tài chính nhóm 1 và 2 quyết định thành lập Tổ Thẩm định thuyết minh của đơn vị, Giám đốc Đại học Huế thành lập Tổ Thẩm định thuyết minh của các đơn vị còn lại. Tổ Thẩm định từ 3 đến 5 người, do đại diện lãnh đạo đơn vị làm Tổ trưởng; thành viên là lãnh đạo và chuyên viên của các bộ phận phụ trách KH&CN, kế hoạch - tài chính và mời nhà khoa học có chuyên môn phù hợp (nếu cần). Tổ Thẩm định có trách nhiệm rà soát, thẩm định sự tuân thủ các quy định và tính hợp lý của nội dung nghiên cứu, sản phẩm và kinh phí của đề tài trên cơ sở Biên bản

hợp Hội đồng tuyển chọn tại đơn vị và các quy định hiện hành. Kết quả thẩm định được lập thành biên bản (Mẫu I-8)”.

13. Khoản 1, Điều 13 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Việc kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài KH&CN cấp Đại học Huế được tiến hành định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, đơn vị chủ trì thành lập Tổ kiểm tra và tiến hành kiểm tra. Tổ kiểm tra tiến độ do lãnh đạo đơn vị làm Tổ trưởng, đại diện bộ phận quản lý KH&CN của đơn vị làm Thư ký, các thành viên gồm: đại diện Ban KHCN&QHQT, đại diện bộ phận kế hoạch tài chính của đơn vị, chuyên viên bộ phận quản lý KH&CN của đơn vị và có thể mời thêm các nhà khoa học trong lĩnh vực chuyên môn của đề tài nếu cần. Nội dung kiểm tra gồm tiến độ thực hiện, nội dung nghiên cứu, sản phẩm và việc sử dụng kinh phí của đề tài so với thuyết minh đề tài được phê duyệt. Biên bản kiểm tra tình hình thực hiện đề tài KH&CN cấp Đại học Huế (Mẫu I-10) lưu tại đơn vị chủ trì đề tài và Đại học Huế”.

14. Khoản 1, Điều 14 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Sản phẩm ứng dụng là các quy trình (quy trình công nghệ, quy trình phân tích, quy trình tổ chức dạy học, quy trình quản lý,...) và phần mềm máy tính phải được Hội đồng chuyên môn nghiệm thu trước khi nghiệm thu đề tài cấp cơ sở. Các sản phẩm là mẫu vật: vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; giống cây trồng; giống vật nuôi và các sản phẩm có thể đo kiểm cân được kiểm định/khảo nghiệm/kiểm nghiệm tại cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, độc lập với tổ chức chủ trì. Trong trường hợp không có cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp, các sản phẩm trên phải được Hội đồng chuyên môn đánh giá, nghiệm thu trước khi nghiệm thu đề tài cấp cơ sở”.

15. Điều 14 được bổ sung như sau:

“4. Tổ chức chủ trì có trách nhiệm quản lý sản phẩm ứng dụng, sử dụng đúng mục đích nhằm phục vụ hoạt động đào tạo, nghiên cứu, đẩy mạnh giới thiệu, quảng bá, tìm kiếm thị trường thương mại và chuyển giao công nghệ các kết quả nghiên cứu của Đại học Huế theo quy định”.

16. Khoản 2, Điều 15 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở do Thủ trưởng đơn vị chủ trì ra quyết định thành lập. Hội đồng có 07 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký, 02 ủy viên phản biện và 03 ủy viên, trong đó ít nhất 01 thành viên ngoài đơn vị chủ trì đề tài. Ngoài Chủ tịch và Thư ký, các thành viên còn lại của Hội đồng là các nhà khoa học có chuyên môn phù hợp với nội dung đề tài. Chủ nhiệm đề tài, các thành viên tham gia nghiên cứu, tác giả có chung công trình công bố, xuất bản hoặc cùng hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học là sản phẩm của đề tài không tham gia Hội đồng đánh giá cấp cơ sở”;

“b) Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên (trong đó có Chủ tịch, Thư ký và ít nhất 01 ủy viên phản biện) và có đủ 02 bản nhận xét phản biện (Mẫu I-15), trong đó ít nhất 01 phản biện đồng ý đủ điều kiện nghiệm thu”.

17. Khoản 2, Điều 16 được bổ sung như sau:

“d) Văn bản phê duyệt về đạo đức nghiên cứu đối với các đề tài thuộc diện phải thông qua Hội đồng đạo đức nghiên cứu”.

18. Điểm c, khoản 3 Điều 16 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“c) Chủ tịch và phản biện của Hội đồng nghiệm thu cấp cơ sở không là Chủ tịch và phản biện của Hội đồng nghiệm thu cấp Đại học Huế, tác giả có chung công trình công bố, xuất bản hoặc cùng hướng dẫn nghiên cứu sinh, học viên cao học là sản phẩm của đề tài không tham gia Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp Đại học Huế”.

19. Điểm a, điểm g khoản 1 Điều 18 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“a) Thay đổi chủ nhiệm đề tài do chủ nhiệm đi học tập, công tác dài hạn (từ 6 tháng trở lên), chuyển công tác, bị ốm đau, không có khả năng điều hành hoạt động nghiên cứu (có xác nhận của cơ quan y tế); vi phạm nguyên tắc quản lý tài chính hoặc không hoàn thành tiến độ nội dung đề tài theo đặt hàng mà không có lý do chính đáng; bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên hoặc chủ nhiệm có văn bản đề nghị thay đổi chủ nhiệm vì lý do cá nhân không thể tiếp tục thực hiện công việc được giao hoặc những lý do bất khả kháng khác,...”; chủ nhiệm đề tài mới phải đáp ứng các quy định tại Điều 9 Quy định này”;

“g) Các điều chỉnh ở các điểm a, b chỉ được phép khi thời gian thực hiện đề tài theo phê duyệt còn ít nhất 03 tháng, điểm c chỉ được phép khi thời gian thực hiện đề tài theo phê duyệt còn ít nhất 01 tháng; các điểm d, đ và e khi đề tài thực hiện chưa quá 1/2 tổng thời gian phê duyệt. Trừ những trường hợp có lý do bất khả kháng, Giám đốc Đại học Huế xem xét quyết định”.

20. Điều 20 được bổ sung như sau:

“4. Mỗi dự án SXTN cấp Đại học Huế được quản lý bằng một mã số có định dạng “DHHXXXX-YY/DASXTN-ZZZ”, trong đó “XXXX” là năm bắt đầu thực hiện, “YY” là mã số của đơn vị trong Đại học Huế và “ZZZ” là số thứ tự dự án được phê duyệt của đơn vị hoặc theo năm”;

“5. Tiêu chuẩn chủ nhiệm dự án SXTN: tương tự như tiêu chuẩn của chủ nhiệm đề tài KH&CN cấp Đại học Huế được quy định tại Điều 9 Quy định này”;

“6. Cá nhân đăng ký tuyển chọn dự án SXTN cấp Đại học Huế”

a) Ưu tiên cá nhân đăng ký chủ nhiệm dự án SXTN là chủ nhiệm của đề tài KH&CN cấp Đại học Huế trước đó sử dụng nối tiếp để đăng ký dự án SXTN;

b) Trường hợp cá nhân không thuộc Điểm a của Điều này thì phải được *đồng ý* bằng văn bản của chủ nhiệm đề tài”.

21. Khoản 2, Điều 21 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Đại học Huế đánh giá, tuyển chọn dự án SXTN. Hội đồng đánh giá, tuyển chọn có 05 - 07 thành viên, Chủ tịch (Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Đại học Huế), Thư ký (đại diện Ban KHCN&QHQT), 01 ủy viên là đại diện Ban Kế hoạch tài chính và Cơ sở vật chất, các ủy viên còn lại là nhà khoa học hoặc đại diện doanh nghiệp liên quan. Quy trình làm việc của Hội đồng tương tự Hội đồng tuyển chọn và thẩm định Thuyết minh đề tài KH&CN cấp Đại học Huế quy định tại Điều 11 và Điều 12. Phiếu đánh giá dự án theo Mẫu II-2 và Biên bản họp Hội đồng theo Mẫu II-3”.

22. Khoản 2, Điều 22 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“2. Nghiệm thu dự án sản xuất thử nghiệm

Dự án SXTN được nghiệm thu cấp cơ sở và cấp Đại học Huế tương tự như nghiệm thu đề tài KH&CN cấp Đại học Huế được quy định tại Điều 15 và 16. Dự án SXTN được tổ chức nghiệm thu cấp Đại học Huế tại Đại học Huế”.

23. Khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 27 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“1. Căn cứ kế hoạch chung của Đại học Huế, thủ trưởng đơn vị thuộc triển khai việc đề xuất (Mẫu III-1, thực hiện trên Trang Quản lý đề tài khoa học của Đại học Huế), tổ chức tuyển chọn đề xuất của đơn vị và nộp danh mục đề xuất về Đại học Huế. Hội đồng xác định danh mục của đơn vị có 05 - 07 thành viên, do Giám đốc Đại học Huế hoặc thủ trưởng đơn vị được ký thừa ủy quyền thành lập, quy trình làm việc tương tự Hội đồng xác định danh mục đề tài KH&CN cấp Đại học Huế quy định tại khoản 3 Điều 10 (phiếu của thành viên theo Mẫu III2, Biên bản họp Hội đồng theo Mẫu III-3). Giám đốc Đại học Huế hoặc thủ trưởng đơn vị thuộc được ký thừa ủy quyền quyết định ban hành danh mục đề xuất đưa ra tuyển chọn chủ nhiệm cho tất cả đơn vị thuộc”;

“2. Đơn vị thuộc thông báo tuyển chủ nhiệm, tiếp nhận hồ sơ đăng ký dự tuyển. Hồ sơ dự tuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 12, trong đó thuyết minh đề tài (Mẫu III-4) được thực hiện trên Hệ thống quản lý khoa học của Đại học Huế. Đơn vị giới thiệu danh sách thành viên, Giám đốc Đại học Huế hoặc thủ trưởng đơn vị thuộc được ký thừa ủy quyền quyết định thành lập Hội đồng tuyển chọn chủ nhiệm. Số lượng, cơ cấu, quy trình làm việc của Hội đồng tuyển chọn chủ nhiệm đề tài cấp đơn vị thuộc tương tự Hội đồng tuyển chọn chủ nhiệm đề tài KH&CN cấp Đại học Huế

quy định tại khoản 3 Điều 12. Đơn vị thuộc tổ chức hợp Hội đồng. Phiếu đánh giá thuyết minh theo Mẫu III-5, Biên bản họp Hội đồng theo Mẫu III-6”;

“3. Thủ trưởng đơn vị thuộc tổ chức thẩm định thuyết minh được chỉnh sửa theo yêu cầu của Hội đồng tuyển chọn và ký phê duyệt thuyết minh thừa ủy quyền Giám đốc Đại học Huế. Giám đốc Đại học Huế hoặc thủ trưởng đơn vị thuộc được ký thừa ủy quyền ban hành quyết định phê duyệt danh mục đề tài KH&CN cấp đơn vị thuộc thực hiện trong năm kế hoạch và ký với chủ nhiệm đề tài hợp đồng thực hiện đề tài (Mẫu III-7)”;

“5. Thủ trưởng đơn vị thuộc xem xét, phê duyệt điều chỉnh thuyết minh. Giám đốc Đại học Huế hoặc thủ trưởng đơn vị thuộc được ký thừa ủy quyền tổ chức Hội đồng tư vấn và phê duyệt thanh lý, hủy phê duyệt đề tài. Quy trình và biểu mẫu điều chỉnh thuyết minh áp dụng tương tự quy định tại Điều 18, quy trình và biểu mẫu thanh lý, hủy phê duyệt đề tài áp dụng tương tự quy định tại Điều 19”.

24. Khoản 3, khoản 4 Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“3. Hội đồng nghiệm thu do Giám đốc Đại học Huế hoặc thủ trưởng đơn vị thuộc được ký thừa ủy quyền thành lập, có 05 thành viên gồm Chủ tịch (nhà khoa học ở đơn vị hoặc trong Đại học Huế có uy tín chuyên môn trong lĩnh vực đề tài, có kinh nghiệm về nghiên cứu khoa học), Thư ký (đại diện bộ phận quản lý KH&CN đơn vị), 03 ủy viên còn lại là nhà khoa học có chuyên môn phù hợp lĩnh vực đề tài, trong đó 02 người là ủy viên phản biện (01 người ngoài đơn vị thuộc). Quy trình, thủ tục họp Hội đồng tương tự Hội đồng nghiệm thu đề tài KH&CN cấp Đại học Huế quy định tại khoản 4 Điều 16. Nhận xét phản biện, Phiếu đánh giá của thành viên và Biên bản họp Hội đồng tương ứng theo các Mẫu III-9, Mẫu III-10 và Mẫu III-11”;

“4. Giám đốc Đại học Huế hoặc thủ trưởng đơn vị thuộc được ký thừa ủy quyền ban hành quyết định công nhận hoàn thành đề tài KH&CN cấp đơn vị thuộc đối với các đề tài được Hội đồng nghiệm thu đánh giá đạt yêu cầu trở lên và đã nộp lại báo cáo tổng kết hoàn thiện theo kiến nghị của Hội đồng”.

25. Bãi bỏ Chương V. GIAO NỘP VÀ QUẢN LÝ SẢN PHẨM ỨNG DỤNG CỦA NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ.

26. Khoản 4, khoản 5 Điều 35 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“4. Đề tài KH&CN cấp Đại học Huế trích 5% tổng kinh phí cho quản lý chung (xác định danh mục, tuyển chọn, thẩm định, phê duyệt, kiểm tra, nghiệm thu), trong đó 3% dành cho quản lý của đơn vị chủ trì và 2% dành cho quản lý ở Đại học Huế. Đối với đề tài KH&CN cấp Đại học Huế ở các đơn vị tự chủ tài chính nhóm 1 và 2, tỷ lệ dành cho quản lý ở Đại học Huế là 1%. Trích 2% dành cho quản lý đối với đơn vị thuộc Đại học Huế được ký thừa ủy quyền và 3% dành cho quản lý ở Đại học Huế”;

“5. Dự án SXTN, dự án ươm tạo, nhiệm vụ KH&CN đặt hàng trực tiếp cấp Đại học Huế trích 5% tổng kinh phí cho quản lý chung (xác định danh mục, tuyển chọn, thẩm định, phê duyệt, kiểm tra, nghiệm thu), trong đó 2% dành cho quản lý của đơn vị chủ trì (hoặc đơn vị thuộc được ký thừa ủy quyền) và 3% dành cho quản lý ở Đại học Huế. Đối với các đơn vị tự chủ tài chính nhóm 1 và 2, tỷ lệ dành cho quản lý ở Đại học Huế là 2%”.

27. Khoản 3, Điều 36 được bổ sung như sau:

“6. Định mức chi cho Tổ Kiểm tra tình hình thực hiện nhiệm vụ KH&CN (đề tài/dự án) cấp Đại học Huế tương tự như định mức chi được quy định tại mục b điểm 3 khoản 3 Điều 36 của Quy định này”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đại học Huế, Thủ trưởng các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Huế chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- PGĐ Đỗ Thị Xuân Dung;
- Lưu: VT, KHCNQHQT.TVP.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Bùi Văn Lợi